TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **28**/2023/QĐST - HNGĐ	*Chương Mỹ, ngày 18 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa:

**** Nguyên đơn***: Chị Ngô Thị N**,** sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú: thôn Q, xã H, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

**** Bị đơn***: Anh Cao Văn M, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn A, xã B, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **11** tháng **01** năm **2023** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ngô Thị N và anh Cao Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Chị Ngô Thị N và anh Cao Văn M có 02 con chung là cháu Cao Thị Y, sinh ngày 26/7/2009 và cháu Cao Thị L, sinh ngày 03/7/2011.

Giao cháu Cao Thị Y và cháu Cao Thị L cho anh Cao Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Ngô Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Ngô Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Cao Văn M mỗi cháu là 1.000.000 đồng/một tháng *(Bằng chữ: Một triệu đồng/một tháng)* kể từ tháng 02/2023 đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định khác.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức:* Chị Ngô Thị N và anh Cao Văn M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4. *Về án phí:* Chị Ngô Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000 *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn)* đồng và án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 *(Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Chị Ngô Thị N đã nộp 300.000 *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí *(theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076505 ngày 11/01/2023)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện Chương Mỹ (số 22/2009);
- Lưu VP, HS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng L